CỔ VĂN VIỆT NAM

VÔ DANH THỊ

TRUYỆN TRÊ CÓC

ƯU-THIÊN BÙI KỶ
HIỆU-ĐÍNH

IN LẦN THỨ BA
sửa-chữa cẩn-thận

SÁCH GIÁO-KHOA
TÂN VIỆT

CỔ VĂN VIỆT NAM

VÔ DANH THỊ

TRUYỆN TRÊ CÓC

ƯU-THIÊN BÙI KỶ
HIỆU-ĐÍNH

IN LẦN THỨ BA
sửa-chữa cẩn-thận

SÁCH GIÁO-KHOA
TÂN VIỆT

HIỆU-ĐÍNH CÁC TRUYỆN NÔM CỔ

Các truyện nôm của ta kể ra cũng khá nhiều, nhưng nhiều truyện nhất là những truyện cũ, cũng có người không biết, không để ý đến, cũng có người xem truyện KIỀU rồi cho hết thảy các truyện cũ là quê-mùa, không đáng xem, coi thường, không buồn đọc nữa, bởi vậy những truyện ấy, hầu như là bỏ rơi vậy.

Chúng tôi xét ra có nhiều truyện cổ, không phải là không có giá-trị, văn không phải toàn một vẻ chất-phác như người ta tưởng lầm ; nhiều câu nhiều đoạn văn rất hay, ý rất sâu-xa, nếu bỏ mất đi thì bao nhiêu những áng văn-chương cổ một ngày một tiêu-diệt mất, thì thật đáng tiếc.

Bởi vậy chúng tôi muốn bảo-tồn lấy những di-sản quí-hóa của tổ-tiên để lại, và sưu-tầm những bản truyện hoặc in, hoặc chép bằng chữ nôm, lấy bản cũ nhất làm chuẩn-đích, đem đối-chiếu với các bản khác, so-sánh từng chữ, từng câu, đính-chính lại rồi chú-thích rành-mạch để khỏi sai-lầm. Khi đã hiệu-đính, chú-thích xong, đem ra cùng nhau thảo-luận đính-chính rồi mới ấn-định xuất-bản.

Hiện-thời chúng tôi đã đính-chính xong bốn truyện NGỤ-NGÔN là : TRUYỆN TRÊ CÓC TRUYỆN TRINH THỬ, TRUYỆN LỤC - SÚC TRANH CÔNG và TRUYỆN HOA ĐIỂU TRANH NĂNG. Những truyện này do ông Phó-bảng Bùi Kỷ hiệu-đính và chú-giải, và đem in thành từng tập riêng, như thế các nhà học quốc-văn sau này sẽ có đủ tài-liệu để tra-khảo.

Lệ-thần Trần trọng Kim

I.— SỰ-TÍCH TRONG TRUYỆN TRÊ CÓC

Con Cóc đẻ trứng xuống ao, khi nở ra nòng-nọc, cá Trê trông thấy giống mình, đem cả đàn về, nhận làm con. Được ít lâu, Cóc ra bờ ao thăm con, tìm mãi không thấy, nhảy xuống ao để dò-la tin-tức. Trê thấy động nước, lội ra đuổi Cóc đi, lại mắng-nhiếc thậm tệ. Cóc cũng mắng trả lời lại, rồi về bàn với chồng, tìm cách để lấy lại đàn con. Chồng bàn phát đơn kiện Trê, trong đơn viện cả Chép, Mè, Măng, Trắm, và các loài thủy-tộc khác ra làm chứng. Quan phát trát bắt Trê, và đòi chứng-tá đến hầu kiện. Khi đến công-đường, Trê chối không hề bắt con của Cóc, và các chứng-tá đều khai là không biết. Quan lúc bấy giờ cũng khó xử, vì Cóc ở trên cạn, Trê ở dưới nước, sao Trê lại bắt được con của Cóc. Song nếu Cóc không mất con, sao lại thưa Trê, bèn giam Trê lại để tra-xét. Ta còn lạ gì câu: « Nhất nhật tại tù ». Trê đã bị giam, tất là bị lại-dịch hành-hạ, cực-khổ kể sao cho xiết. Trê bèn cho vợ đi tìm thầy-thợ để gỡ tội. Vợ tìm đến Triều-đầu, vẫn nổi tiếng là biết nhiều lý-luật. Triều-đầu cho thủ-hạ là Ngạnh đi thay. Ngạnh lên nha, tìm thông Chiên làm tay trong, rồi khất quan cho về khán-nghiệm. Khi các nha-lại về tận nơi, thấy đàn nòng-nọc hình-dáng giống cá Trê,

bèn làm biên-bản, lấy cả lân-bang làm chứng, rồi đem về trình quan. Quan xem biên-bản, theo lời biện-bạch của nha-lại, có đủ bằng-cớ, tất-nhiên phải cho Cóc là vu-khống, bèn tha Trê ra, bắt Cóc giam lại. Lúc này đến lượt Cóc bị hạnh-hạ cũng như Trê lần trước, song có lẽ khổ hơn Trê nhiều, vì không những bị tù, lại còn bị mất cả một đàn con nữa. Vợ Cóc lại phải đi kiếm thầy-thợ để gỡ tội cho chồng. Tìm đến Chầu-chuột, Ễnh-ương, rồi đến Ếch. Ếch mách cho Cóc biết Nhái-bén là tay thầy-kiện rất giỏi. Khi Cóc tìm đến Nhái-bén, Nhái-bén bảo Cóc rằng: « Theo lẽ tự-nhiên của tạo-hóa, con giống nào lại hoàn là giống ấy, nhưng bây giờ đàn con còn ở dưới nước, thì kiện làm gì vội, đợi bao giờ nòng-nọc đứt đuôi lên cạn, bấy giờ sẽ hay ». Vợ Cóc nghe lời, về đợi ít lâu, quả-nhiên như lời Nhái-bén nói. Cóc bèn đưa cả đàn con đến trình quan, và làm đơn kiện lại Trê. Quan lúc ấy mới biết Cóc là oan, bèn lấy lời lẽ ôn-tồn để an-ủi vợ chồng Cóc, và khép Trê vào tội phát-lưu. Cóc về nhà ăn mừng.

II. — CÁCH KẾT-CẤU TRONG TRUYỆN

Cuốn truyện có thể chia ra làm ba hồi.

Hồi thứ nhất: Cóc kiện Trê, Trê bị bắt lên quan và bị hậu giam.

Hồi thứ nhì: Trê tìm được cá Ngạnh làm thầy, lên xin quan cho về khán-nghiệm, rồi vì lời trong biên-bản, các nha-lại cho nòng-nọc giống Trê, chứ không giống Cóc, Cóc bị hậu giam.

Hồi thứ ba : Cóc tìm được Nhái-bén làm thầy ; đợi khi nòng-nọc đứt đuôi lên cạn, Cóc phát đơn kiện lại Trê. Trê bị tội, Cóc được tha về nhà ăn mừng. Cả cuốn đặt theo lối lục-bát, cọng là 396 câu.

III. — VĂN-PHÁP

a) Cách gieo vần. — Cách gieo vần chia làm hai lối : vần chính và vần thông. Gần đây văn-gia khi làm vận văn rất chú-trọng về vần chính, hơi sai một tí là cho là xuất vận, nhưng đời xưa hình như không để ý về phần ấy, dùng vần cốt tìm những tiếng có thanh-âm hơi gần nhau mà thôi. Ta có thể nhận thấy ở trong những cuốn văn cũ như *Hoàng-trừ, Phạm-công, Phương-hoa, Thạch-sinh,* cách dùng vần rất sơ-lược.

Nay xét trong cuốn Trê Cóc như những câu :

tăm — Bọt bèo lầm nước tối *tăm,*
lên — Động tin Trê mới nổi *lên* hỏi-dò.

bờ — Lắng ra thấy Cóc bên *bờ,*
hồ — Trê liền quát mắng tri *hồ* vang rầm.

tham — Trê kia đã có lòng *tham,*
đơn — Được thua quyết kiện một *đơn* xem mà.

Vậy thiết-tưởng cách gieo vần ở đây là thuộc về lối cổ vận văn.

b) Cách dùng chữ. — Trong cuốn văn có dùng một số ít chữ nho, nhưng toàn những chữ thông-thường ở chốn dân-gian, mà nhất là những tiếng tố-tụng, như *minh-tra, cứu-vấn, bản-nha, phát-sai,*

bàng-tiếp, dẫn-thôi, quan-pháp như lôi, đoạt nhân thủ tử, hỏa-quang kiến-diện v. v. đó là một cuốn văn đặc-biệt dùng được gần hết những tiếng việc quan mà ai ai cũng đều biết nghĩa. Những thứ tiếng này nguyên là chữ nho, thâu-thập vào kho văn-liệu tiếng nôm từ bao giờ, tôi chắc khó lòng tra-cứu cho rõ được. Nay ta nhận thấy ở trong quốc-âm ta có nhiều thứ danh-từ thuộc về luân-lý, triết-học, văn-chương, hầu hết dùng bằng chữ nho chẳng riêng gì một thứ tiếng tố-tụng. Song tôi nghĩ rằng dân-tộc nào đã hơi có đủ những tiếng nhật-dung thông-thường ở trong nước, mà còn phải dùng đến tiếng nước ngoài, trước nhất tất là vì sự cần-thiết trong việc giao-thiệp hoặc là vì việc quan, hoặc là vì việc buôn-bán, rồi dần dần tùy theo trình-độ của sự học về thứ tiếng ấy ở trong bản-quốc, nếu mỗi ngày một cao, thì sự thâu-thái về thứ tiếng ngoại-quốc ấy cũng mỗi ngày một nhiều. Nước ta ở trong hồi Bắc-thuộc, sự tiếp-xúc trước nhất và cần nhất đối với người Tàu, tất là sự khai-trình bẩm-báo trong việc quan, vậy nên những thứ tiếng thuộc về án-từ luật-lệ, ta bắt-buộc phải dùng chữ nho, tôi cho đó là thuộc về thời-kỳ thứ nhất, ta mới bắt đầu dùng Hán-tự vào trong quốc-âm, rồi về sau Hán-học ở nước ta dần dần thịnh lên, thì Hán-tự nhập vào trong quốc-âm cũng dần dần thêm lên, như những tiếng luân-lý, triết-lý, văn-chương càng ngày càng ở ngoài đem đến, làm cho kho từ-liệu của ta phong-phú mãi ra.

Nay ta thử theo thứ-tự xét từ *Nguyễn Trãi gia-huấn* đến *Hồng-đức văn-tập*, *Bạch-vân-am văn-tập* rồi đến truyện *Hoa-tiên*, truyện *Kim Vân Kiều*, ta nhận thấy con đường phát-triển của thứ tiếng Hán Việt hình như đi lên từng cung một ; nghĩa là luân-lý, triết-lý, văn-chương, cứ theo một thứ-tự rõ-ràng ; đó là một luận-đề có thể giúp cho sự khảo-cứu về Việt-văn lịch-sử, nhất là về những cuốn văn vô danh. Tôi không dám chắc chỗ sở-kiến đã là đúng, cho nên muốn đem ra để chất-chính cùng các bậc đại-phương vậy.

c) **Cách đặt câu.** — Xét về phần hình-thức thì trong cuốn văn này chữ thứ nhì câu lục có mấy chỗ dùng tiếng trắc như những câu :

Trát *thảo* cho dấu chữ y
Được *kiện* Cóc trở ra về.

Lối này là một lối văn cũ, cũng như ở trong *Trinh thử*, tôi đã có nói rõ (1).

Xét về phần văn-lý, thì thật là thuần-phác và trang-nhã. Nay xin trích ra mấy đoạn sau này :

Đoạn Trê mắng Cóc :

Cóc kia cả quyết gan liều,
Bọn ngươi coi đã mỹ-miều lắm thay !
Một ngày lạ glống chúng bay,
Nghề bôi vôi vẫn nồng thay chẳng chừa !

Thật là tả rõ cái khẩu-khí ương-ngạnh ở chốn dân-gian.

Đoạn Cóc mắng lại :

(1) Xem TRUYỆN TRINH THỬ (TÂN VIỆT xuất-bản)

« Ta đây dẫu có hèn ngu,
Nhà ta cũng có cơ-đồ đỉnh-đang.
Ra vào gác tía nhà vàng,
Cỡi bờ mặt sức nghênh-ngang chơi bời.
Nghiến răng chuyển bốn phương trời,
Ai ai là chẳng rụng-rời sợ kinh.
Tuồng gì giống cá hôi tanh,
May chăng được một môi canh ra gì ! »

Thật là tả rõ cái khẩu-khí khoe-khoang của bọn hợm thấn thế.

Đoạn lệ-dịch phát sai :

Lệ rằng : « Quan-pháp như lôi,
Chỉ đâu đánh đấy chẳng đâu là lành.
Trê kia là đứa gian-manh,
Chúng ngươi họp đảng đồng tình nhất môn.
Đây mà cứ phép việc quan,
Thì bây thịt nát, xương tan chẳng lành. »

Thật là tả rõ cái giọng hống-hách mè-nheo của bọn công-sai.

Đoạn Triều-đầu bảo Trê :

Có tên Lý Ngạnh thôn ngoài,
Cũng trong thủ-hạ tôi-đòi ta đây.
Vốn người độc-ác xưa nay,
Cho đi giúp chúng, việc này phải xong.

Thật là tả rõ cái giọng hách-dịch của bọn cường-hào.

Đoạn nha-lại khán-nghiệm :

Nha rằng : sự chẳng hồ-nghi,
Đầu đuôi hình-tượng giống Trê đó rồi.

Thật là tả rõ sự hàm-hồ khai-báo rất khôn-khéo ở trong việc quan.

Đoạn Ếch bảo Cóc :

Nghề tay thầy kiện trứ danh,
Có chàng Nhái-bén thực anh bợm già.
Đơn-từ mẹo-mực vào ra,
Bàn tay tráo-trở coi đà ngon không.

Thật là tả hết cái hình-đáng anh thầy cò.

Xét ra giọng văn lẫn giọng trào-hước, uyển-chuyển minh-bạch, thấu lý, nhập tình, có đủ cả phần văn và phần chất, nhưng phần chất nhiều hơn phần văn, có thể coi là một áng cổ văn có giá-trị cũng như cuốn *Trinh thử* ở cuối đời Trần vậy.

IV. — TÂM-LÝ TRONG TRUYỆN

Cuốn văn này đến nay vẫn liệt vào trong những cuốn văn vô danh, vì chưa tìm được tên của tác-giả. Cụ Bùi Tôn-am (Huy-bích) có bàn về cuốn văn này, cho là do một vị gia-khách ở nhà đức Liễu-dương đời Trần mà ra, ám-chỉ vào việc vua Thái-tông cướp chị dâu trong khi có mang, lấy đứa con anh còn ở trong bụng mẹ làm con mình. Cụ lấy bốn chữ « đoạt nhân thủ tử » làm định-án. Nếu theo như thuyết trên này mà xét ở trong cuốn văn, thì ta thấy có nhiều chỗ ám-hợp, vì Trê tuy nuôi nòng-nọc nhưng nòng-nọc bao giờ cũng vẫn là con của Cóc. Cho nên trong truyện có những câu này :

Lời Nhái-bén bảo Cóc :

Tuy cùng một kiếp phù-sinh,
Giống nào giống ấy tranh-giành làm chi.

Lời kết-luận ở cuối :

Ngẫm xem thế sự nực cười,
Cũng là dở một trò chơi đấy mà.

Thuyết trên này không phải là không có sở-kiến. Song ý tôi muốn hãy để thuyết ấy làm một điều khuyết-nghi, sau này nếu có đủ tài-liệu, ta sẽ bàn lại.

Nay tôi chỉ xin xét về những chỗ ngụ-ý ở trong cuốn văn mà phân-giải một cách sơ-lược như sau này :

Cả cuốn văn lấy Cóc làm vai chính, Trê làm vai phó, rồi đem bọn Mè, Nheo, Trắm, Chép, Ếch, Chẫu, Ễnh-ương v. v... mở ra một rạp hí-trường. Tấn tuồng là tấn đi kiện, trong có một nha-môn, có thông Chiên, đề Tôm, lại có những tay thầy cung, thầy cò, sành nghề : Triều-đầu, Lý Ngạnh, Nhái-bén. Cái kiện lại rất là khó xử, bên nguyên mất con ở trên cạn, bên bị cướp con lại ở dưới nước, làm cho quan khó lòng tra cứu. Quan xét đơn Cóc, cũng phải cho là « huyền » và các nha-lại đến khi thấy nòng-nọc hóa ra Cóc, cũng phải than rằng : « *Chẳng qua con tạo đảo-điên, Sinh sinh hóa hóa hiện truyền chi đây* ». Trong tấn tuồng tả hết vẻ hài-hước nhất là gặt những chỗ nha-lại nhũng-nhiễu, lại tả ra một cách bán ẩn, bán hiện, thật là tài-tình, làm cho ta nhớ đến câu « *Có tiền việc ấy mà xong nhỉ* » của cụ Yên-đỗ, mà tránh sao được những nỗi ngậm-ngùi. Song ở trong cuốn này có một lẽ làm cho lòng ta được phấn-khởi đôi chút, là Trê tuy mất tiền mà

việc vẫn không xong. Nhân thế, tôi nhận thấy cuốn văn này muốn ngụ ý về ba điều như sau đây :

1) Dân sở-sĩ phải chịu đủ đường khổ-cực, phần nhiều vì ngu, ngu mới hay phạm vào tội-lỗi, cho nên mới có câu :

Trê kia là đứa ngu-si,
Chẳng qua tham-dại biết gì nông sâu.

Vậy người trên nên thương đến nỗi tối-tăm của bọn kiểm-lê, mà tìm cách dìu-dắt dạy-dỗ cho họ đi ra con đường sáng-sủa, chớ nên thấy nhiều sự điêu-toa ương-ngạnh mà đổ lỗi cho dân cả.

2) Sự tham-nhũng của bọn nha-lại và lệ-dịch. Sự này có lẽ là một tập-quán đã lâu. Và công-nhiên không kiêng-kỵ gì trong lúc thừa hành công-sự. Cho nên có câu :

Song bên lý có bên tình.
Liệu sao các việc thỏa tình người ta.

Lại có câu :

Chẳng qua hối lộ đã nhiều.
Cho nên mới nói mè-nheo những lời.

. . . . . .
. . . . . .

3) Sự quan-hệ trong khi xử kiện, phần thì tình-lý phức-tạp, phần thì thường bị kẻ tả hữu ủng-tế, ngay những vị quan rất công-minh liêm-chính, mà hơi sơ ý một chút, cũng bị sai-lầm luôn. Xem như trong truyện này, nếu đàn nòng-nọc còn ở dưới nước, Cóc còn bị oan mãi, thì biết những trường-hợp tương-tự như thế còn biết bao nhiêu là án tình,

cho nên ngay từ đời trước đã phải đặt ra bộ *Tẩy oan lục*, đủ biết rằng sự thận-trọng và tinh-tế ở trong việc xử kiện là rất cần-thiết vậy.

Tác-giả muốn mượn một tập văn ngụ-ngôn, đem bà điều này để cảnh-tỉnh những bậc học-thức trong nước, bình-nhật nên lưu-tâm đến dân-tình lợi bệnh, đến khi có quyền-bính trong tay, nên hết lòng giúp nước, cốt làm thế nào cho lại trị dân an. Đó là cái tinh-thần chân-chính trong nền cổ học, hàm-súc ở cuốn văn này biết bao nhiêu là ý-tứ, ta không nên cho là một truyện mua vui, mà sao-nhãng không thể nhận kỹ vậy.

Truyện Trê Cóc hiện còn nhiều bản bằng chữ *nôm*, bằng chữ *quốc-ngữ*. Nhưng khốn nỗi, bản nôm tuy hình như là một tái-bản của bản in từ đời Tự-đức, nhưng có một vài chữ vì hình gần nhau nên thợ khắc lầm. Các bản in bằng *quốc-ngữ*, thì toàn là của các nhà buôn xuất-bản để trục lợi, sai-lầm lẫn-lộn, có khi lầm cả câu, sai hàng đoạn, đối với nguyên-văn không còn có một giá-trị gì. Vì những lẽ ấy, nên chúng tôi không thể lấy một bản nào làm bản đúng, hễ có câu nào, chữ nào không giống các bản khác thì phải đối hiệu mà chua rõ-ràng. Bài văn in đây là bài chúng tôi chép theo bản nôm. Chúng tôi lấy đấy làm gốc, rồi xem các bản *chữ nôm* và *quốc-ngữ* khác, hễ có chỗ nào khác thì chua ở cuối trang : « có bản chép », v. v...

BÙI ƯU-THIÊN

TRUYỆN TRÊ CÓC

Truyện đời có cổ, có kim,
Ngẫm trong vật-lý mà xem cũng kỳ.
Những tuồng loài vật biết gì,
Cũng còn sự lý tranh thi (1) khéo là.

. . .

Nhớ xưa Trê, Cóc đôi nhà,
Vì tình (2) nên phải sinh ra oán-thù.
Cóc quen vui thú bờ hồ,
Khi ra đài-các, khi vô cung-đình.
Tới khi thai-sản thành hình,
Xuống ao Trê đẻ đem mình thoát xong.
Nhìn xem Cóc những mừng lòng,
Trở về (3) ngồi chốn nghiêm-phòng (4) nghỉ-ngơi.

. . .

Chàng Trê đâu mới đến nơi,
Thấy đàng nòng-nọc nhảy ngoi rầm-rầm.

---

(1) *Tranh thi* : 爭 施 : tranh nhau thi-thố.
(2) Có bản chép rằng : *ức tình*.
(3) Có bản chép rằng : *thong-dong*.
(4) *Nghiêm-phòng* 嚴 房 : buồng kín, chỗ thâm nghiêm.

Nhìn xem dạ những mừng thầm,
Giống Trê như lột chẳng lầm vẻ chi.
Bắt về yêu-dấu bù-trì,
Con nuôi cũng chẳng khác gì con sinh.

. . .

Hay đâu Cóc cũng vô tình,
Nhớ ngày đầy cữ ra rình thăm con.
Tới nơi chờ-đợi nỉ-non,
Bờ trơ, cỗi vắng, nước còn, tăm không.
Âm-thầm (1) nghĩ cũng giận lòng,
Vội-vàng nhảy xuống bên trong dạo tìm.
Bọt-bèo lầm nước tối-tăm,
Động tin, Trê mới nổi lên hỏi dò.
Lắng ra (2) thấy Cóc bên bờ,
Trê liền quát mắng, tri-hô vang rầm :
« Cóc kia ! đâu đó tối-tăm ?
Dạ gian-phi đạo, tắc dâm (3) chẳng lành ».
Cóc rằng : « Ai kẻ gian-manh,
Gây ra những sự sinh tình gớm-ghê.
Vì con nên phải sớm khuya,
Không dưng ai có đến chi chốn này ! »
Nghe lời, Trê tức-giận thay,
Vểnh râu, mắng Cóc chua-cay lắm điều :

---

(1) Có bản chép : *lâu lâu.*

(2) *Lắng ra :* nghe ra, nhận ra.

(3) Chữ trong luật : *Dạ gian vô cố nhập nhân gia, phi đạo tắc dâm* 夜間無故入人家，非盜則淫 : ban đêm vô cớ vào nhà người ta, nếu không phải là đi ăn trộm thì là tà dâm.

« Cóc kia cả quyết (1) gan liều,
Bọn người coi đã mỹ-miều lắm thay (2).
Một ngày lạ giống chúng bay,
Nghề bôi vôi vẫn nồng thay chẳng chừa (3).
Một tội mất, mười tội ngờ (4),
Biết đâu mà khéo tri-hô hỏi dồn.
Thôi đừng đua dạy tranh khôn,
Trở về ngồi tốt (5) gậm giường cho xong ! »
Cóc ta dương mắt trừng-trừng,
Rằng : « Khôn, ngươi cũng ở trong ao-tù.
Ta đây dẫu có hèn ngu,
Nhà ta cũng có cơ-đồ đỉnh-đang (6).
Ra vào gác tía nhà vàng,
Cỗi bờ mặc sức nghênh-ngang chơi-bời.
Nghiến răng chuyển bốn phương trời,
Ai ai là chẳng rụng-rời sợ kinh.
Tuồng gì (7) giống cá hôi-tanh,
May chăng được một môi canh ra gì. »

. . .

Cầm lòng Cóc trở ra về,
Vợ chồng bàn định sớm khuya ngại-ngùng.

---

(1) Có bản chép : *sao dám*.

(2) Có bản chép : *đêm hôm đường-đột dập-dìu chi đây*.

(3) *Truyện cổ-tích* : Cóc có lần ra Vũ-môn thi với các loài cá, song vì hình-dáng xấu-xí, quan trường bôi vôi đánh giấu vào đầu, rồi đuổi về ; vì thế ta có câu : *may ra như rồng gặp vận, chẳng may ra như cóc bôi vôi*.

(4) Có bản chép : *Chốn nghiêm chớ có lập lờ*.

(5) *Ngồi tốt* : ngồi yên.

(6) *Đỉnh-đang* : 鼎鐺 : vạc và sạnh, nói nhà phú-quí.

(7) Có bản chép : *huống mày*.

Rằng : « Con đương độ ấu-trùng (1),
Xa xôi non nước lạ-lùng biết sao.
Khuyên chàng chớ nghĩ thấp cao,
Công bao cũng chịu, của bao cũng đành. » (2)
Cóc rằng : « Sao khéo lo quanh,
Can chi chịu phí, xem tình làm sao (3).
Đàn-bà nông-nỗi khác nào,
Biết đâu những chuyện mưu cao mà bàn.
Trên kia đã có lòng tham,
Được thua quyết kiện một đơn xem mà.
Kêu oan đến cửa quan-nha,
Làm đơn mà khống (4) minh tra cho tường. »

Đơn rằng :

Trung-đình (5) phủ, Tường-miếu (6) huyện, Bích-gia(7) xã, Thạch-cốc thôn (8), Trần văn Cốc, khấu bẩm vì khổ-ức sự, một chút tình duyên, vì có đàn con, vốn xưa ở cạn, tới khi có nghén, sinh ở ao Trê. Trai gái đề-huề, một đàn Nòng-nọc. Đương cơn sinh-dục, hiện có tứ bề : danh Chép, danh Mè, danh Măng, danh Trắm ; cậy người đỡ tắm, mụ Diếc, mụ Rô, mượn người thắm dò (9) anh Lươn, anh Trấu (10).

---

(1) *Ấu-trùng* : 幼 冲 : trẻ thơ.

(2) Có bản chép : *chuộc thì chịu chuộc, hết bao cũng đành.*

(3) Có bản chép : *rằng chẳng chuộc nữa, xem tình làm sao.*

(4) Có bản chép : *làm đơn khất lĩnh.*

(5) *Trung-đình* 中 庭 : giữa sân.

(6) *Tường-miếu* 墻 廟 : tường ở đền, ở miếu, có lẽ viết là miếu-tường thì đúng hơn.

(7) *Bích-gia* 壁 家 : nhà ở bức vách

(8) *Thạch cốc* 石 谷 : hang đá.

(9) Có bản chép : *sở tại hẳn-hoi.*

(10) *Trấu* : chạch trấu.

Tìm nơi nương-náu, Cóc mới về quê, vì nỗi thê-nhi, Cóc ra thăm viếng. Bốn bề im tiếng, chẳng thấy một ai, Cóc hỏi khúc-nhôi (1), Trê liền thét mắng, sinh tình ngạnh ác, cố dạ gian-tham. Đạo-nghĩa cha con, khôn đường nhẫn-nhục. Vì thử cụ đơn, khấu bẩm đường quan, soi-xét lòng đơn, xin người cứu-vấn. Nhờ ơn son phấn, yên phận thê-nhi, vạn vạn bái.

Kim khấu bẩm

. . .

Phủ-quan nghe tỏ lòng đơn,
Truyền đòi nha-lại các phiên (2) vô hầu.
Xem đơn danh Cóc gót đầu,
Đoạt nhân thủ tử (3) nhẽ đâu làm vầy.
Thực hư tình-ý chưa hay,
Cứ trong đơn khất cũng ngầy lắm thôi.
Truyền cho thảo trát vô đòi,
Mấy danh chứng-tá giải hồi nghiêm tra.
Các thầy vâng lệnh trở ra,
Đòi tiền thông-lệ (4) bản-nha tức thì.
Trát thảo cho dấu chữ y,
Truyền cho lệ-dịch tức thì phát sai.

Trát rằng :

Hải-giang (5) phủ, tri-phủ Đàm, vi phát lệ-binh (6) nhất

(1) *Khúc-nhôi :* Đầu đuôi.

(2) *Các phiên :* Các nha-lại.

(3) *Đoạt nhân thủ tử* 奪人取子 *:* cướp và bắt lấy con người.

(4) *Tiền thông-lệ :* tiền lệ-phí trong khi thừa hành việc quan.

(5) *Hải-giang* 海江 *:* bể và sông.

(6) *Lệ-binh* 隸兵 : linh-lệ.

danh y phải tùy hành, cứ hương lý-dịch, thân dẫn (1) danh Trê, chứng-tá các bề, truyền đòi cho hết, cùng người bàng-tiếp (2), danh Chép, danh Mè, danh Măng, danh Trắm, cụ thử nhất đoàn, duyên cớ nguyên đơn, danh Trần văn Cóc, thân tình ức-khổ, vi thử đẳng danh, đồng-đẳng gian-manh, đoạt nhân thủ tử, vi thử hợp trát (3), giang giải (4) hồi trình, lập tức dẫn thôi (5), y như trát nội (6), hợp trát.

. . .

Lệ-binh vâng trát thôi đòi (7),
Bộ-hành mời kéo về nơi Thanh-trì (8).
Truyền đòi lý-dịch tức thì,
Dẫn thôi thủ-phạm danh Trê ra hầu.
Nghe tin chứng-tá đâu đâu,
Sửa-sang chè rượu cùng nhau khuyên mời.
Lệ rằng: « Quan-pháp như lôi (9),
Chỉ đâu đánh đấy chẳng đâu là lành.
Trê kia là đứa gian-manh,
Chúng ngươi họp đẳng đồng tình nhất môn.
Đây mà cứ phép việc quan,
Thời bay thịt nát xương tan chẳng lành.

---

(1) *Thân dẫn* 親 引 : tiếng việc quan : thân hành dẫn đến.

(2) *Bàng-tiếp* 幫 接 : lân-bang, ở gần chung-qanh.

(3) *Hợp trát* 合 札 tiếng việc quan : theo đúng luật mà phát trát.

(4) *Giang giai* 扛 解 : đóug gông mà giải về.

(5) *Dẫn thôi* 引 催 : đòi ra, bắt phải ra.

(6) *Y như trát nội* 依 如 札 内 tiếng việc quan : theo đúng như lời trong trát.

(7) *Thôi* : đòi ra.

(8) *Thanh-trì* 清 池 : ao trong.

(9) *Quan-pháp như lôi* : phép quan như sấm.

Song bên lý có bên tình,
Liệu sao các việc thỏa tình người ta.
Kẻo khi quan-lại còn xa,
Đây mà nổi giận lôi ra kéo vào. » (1)
Chàng Trê ngóc cổ liền kêu,
« Dân đen (2) có biết chi điều gian-ngoan.
Vì ai nên phải tiếng oan,
Dám xin mấy cậu liệu đường giúp cho.
Chữ rằng : Nhất nhật tại tù » (3),
Hết bao nhiêu cũng xin lo dám nề.
Còn như danh Chép, danh Mè,
Cũng trong luân-lý một bề với tôi.
Sửa-sang lễ-vật lên hầu (4),
Có tôi đã đứng là đầu thời xong. »

. . .

Lệ nghe lời nói êm lòng (5),
Bèn đưa nhau đến cửa công tạ trình (6).
Lệ vào lạy trước công-đình,
Trát sai đã bắt đẳng-danh (7) hỏi-trình.
Quan liền chỉ phán phân-minh :
« Trê kia sao dám gian-manh làm vầy ?
Nguyên-đơn danh Cóc ngồi đây,
Đoạt nhân thủ tử việc này có không ? »

---

(1) Có bản chép : *trúc la cũng nhiều.*

(2) Dân đen bởi chữ *lê dân* 黎民 dịch ra, cũng như nói dân ngu.

(3) *Nhất nhật tại tù :* một ngày ở tù là khổ.

(4) Có bản chép : *có nơi sở nại, sở cầu.*

(5) Có bản chép : *phận riêng lệ yếm tâm rồi.*

(6) Có bản chép : *cho vào quan kể khúc-nhôi sự tình.*

(7) *Đẳng danh* 等名 tiếng việc quan : mọi tên.

Trê vào lạy trước vừa xong,
Cất đầu kể hết sự lòng xa xôi:
« Sự này tại chú Cóc tôi,
Dạ gian (1) vô cớ xuống ngồi bên ao.
Bấy giờ tôi có kêu rao,
Hỏa-quang kiến diện (2) qua rào nhảy ra.
Sợ rằng: ngỗ tiếng-tăm ra,
Vậy nên trước phải quỳ thưa đỡ đòn (3).
Ví dù Cóc lại có con,
Lẽ đâu để cách nước non sao đành.
Đầu đen là giống phù-sinh (4),
Dám xin soi-xét ra tình kẻo oan. »
Quan rằng: « Bây khéo gian-ngoan (5).
Truyền đòi chứng-tá tiếp bàng hỏi qua.
Mèo, Nheo, Trắm, Chép nhảy ra,
Khấu đầu lạy trước quan-nha diện-trình:
« Chúng tôi thật kẻ vô tình,
Xưa nay vẫn thực hiền-lành biết chi.
Mặc ai vùng-vẫy giang-khê,
Biết thân tránh khỏi lưới nghề là xong (6).
Biết đâu Trê, Cóc sự lòng,
Buộc cho đòi chữ phù-đồng (7) khổ thay!

---

(1) *Dạ gian*: trong khoảng đêm.

(2) *Hỏa-quang kiến diện* 火光見面 tiếng việc quan: nhân lửa sáng mà nhận rõ mặt.

(3) *Đỡ đòn*: che lấp lỗi mình.

(4) Có bản chép: *đầu đen lốt giống rành rành.*

(5) *Ngoan* 頑: ương-ngạnh, không nên hiểu lầm với tiếng *ngoan* như *ngoan-ngoãn, khôn-ngoan.*

(6) Có bản chép: *lưới giăn không dám động-hề là xong.*

(7) *Phù-đồng*: cùng một đảng gian-dối.

Đèn Trời soi-xét gian-ngay,
Lẽ đâu ao cá vạ lây cháy thành (1). »
Cóc vào bẩm trước công-đình :
« Chẳng qua các chúng đồng tình mưu gian.
Người thân-thích, kẻ lân-bang,
Cùng trong vây-cánh một đoàn nó thôi.
Vả trong đất nước khác vời,
Cóc khô ở chốn quê người biết sao.
Ngửa trông lạy đứa quan cao,
Cứu đàn con nhỏ phiêu-lưu (2) kẻo mà. »
Quan truyền : « Cho Cóc lui ra,
Đem Trê giam đó hậu tra (3) vội gì. »
Lệ-binh vâng lệnh tức thì,
Đem Trê vào trại liền mi (4) chẳng chầy.
Canh giờ nghiêm-cấm khổ thay ! (5),
Mười người nhắm một, đều tay lấy tiền (6).
Quan cứ lệnh, lính cứ truyền,
Đã ngày cổ buộc, lại đêm chân cùm.
Giam tra thịt nát xương tan,
Đánh cho mấy chục, chập đòn roi đôi (7).

(1) *Vạ lây cháy thành*, bởi câu *thành môn thất hỏa, họa cập trì ngư*, 城門失火，禍及池魚 : cháy ở cửa thành, vạ lây đến cá ở dưới ao.

(2) *Phiêu-lưu :* trôi-giạt.

(3) *Hậu-tra :* đợi để tra xét.

(4) *Mi :* giam lại.

(5) Nhiều bản không có hai câu này.

(6) Có bản chép : *một người là một ngón tay là tiền.*

(7) Có bản chép : *đánh rồi tiền lệ canh-giam lại đòi.*

Vợ chồng Trê những ngậm-ngùi,
Ra vào phí-tổn hết bao cũng đành.
Có công lặn suối trèo ghềnh,
Tìm người lý-sự hỏi tình sâu nông.
Xa nghe Triều-đầu (1) anh-hùng,
Đưa tin hoàng-tước (2) hỏi cùng phải chăng.
Đầu đuôi mấy khúc thưa rằng :
« Thực tôi là phận tảo-tần chàng Trê.
Nay đơn chàng Cóc tâu quỳ,
Vậy nên Trê phải giam mi tại tù.
Đàn-bà ngu-dại vụng lo,
Đội ơn quan bác liệu cho phận nhờ ».
Kình (4) rằng : « Chẳng ngại việc chi,
Đây ta nào phải lụy gì đến ai.
Có tên Lý Ngạnh thôn ngoài,
Cũng trong thủ-hạ tôi-đòi ta đây.
Vốn người độc-ác xưa nay,
Cho đi giúp chúng việc này hẳn xong. »
Trê nghe thấy nói mừng lòng,
Liền quỳ lạy Ngạnh kể thông (5) mọi lời.
Sửa-sang đồ vật thảnh-thơi,
Tôm-he, cá-mực đủ mùi trân-cam.

(1) *Triều-đầu :* một loài cá giống cá sộp, cá quả, ban đêm hay lội lên chầu sao Bắc-đầu, cho nên gọi là Triều-đầu.

(2) *Hoàng-tước :* chim sẻ vàng, lấy điển : Hoàng-tước hàm thư : chim sẻ vàng ngậm thư ; ở đây hiểu nghĩa là người đem thư, đem tin.

(3) *Tảo tần :* hai thứ rau mọc tự-nhiên ở ngoài đồng. Hái hai thứ rau này là công-việc của người nội-trợ siêng-năng tần-tiện. Ở đây hiểu nghĩa là người vợ cả.

(4) *Kình :* tên một loài cá to ở bể, nhưng ở đây, có lẽ là *Đầu rằng*.

(5) *Kể thộng :* kể suốt.

Ngạnh rằng: « Quan sự đã am (1),
Những phường cáo giả oai hầm (2) ghê thay (3).
Việc quan muốn xử cho xong,
Thời trong lại-bộ (4) có thầy thông Chiên.
Muốn cho trong ấm ngoài êm,
Phải đưa lễ tốt các phiên (5) mới dành. »
Ngạnh vào tư-thất bẩm-trình,
Trê ra lạy trước công-đình tâu thân (6):
« Gọi là lễ mọn kính dâng,
Dám xin soi-xét phận dân ngu-hèn.
Chàng Trê giam-chấp mấy phen,
Cũng vì điên-đảo làm thiên án từ.
Lòng ngay chẳng dám mưu-mô,
Lưới Thang (7) rộng mở ơn nhờ xiết bao. »
Quan rằng: « Kêu vậy biết sao,
Đây ta cũng chẳng xuy-mao cầu-tì (8).
Cứ trong tình-lý mà suy,
Thời như đơn Cóc có khi cũng huyền (9).
Cho đòng đối-tụng hai bên,

(1) *Am*: 諳 thuộc, thạo.

(2) *Cáo giả oai hầm*, bởi câu *hổ giả hổ oai* 狐假虎威 cáo đội lốt cọp để dọa các loài thú, nói ví các nha-dịch cậy thế quan để bắt nạt dân.

(3) Có bản chép: *những phường cáo giả ngang-tàng ghê thay.*

(4) *Lại-bộ*: lại phòng, buồng giấy việc quan.

(5) *Các phiên*: các phần việc.

(6) *Thân* 由: tỏ bày.

(7) *Lưới Thang*: lưới vua Thành Thang, chỉ chăng có một mặt mà mở ra ba mặt, nói ví: luật-pháp nhân-từ.

(8) *Xuy-mao cầu-tì*: 吹毛求疵: thổi lông tìm vết, ý nói: bẻ-bắt, khe-khắt.

(9) *Huyền*: không được minh-bạch.

Có bên bị, có bên nguyên mới tường. »
Cóc ngồi chực sẵn bên tường,
Nghe lời quan phán vội-vàng nhảy ra :
« Trê kia chớ có huyên-hoa,
Hùm dầu có cánh ta đà chẳng ghê.
Quả tình nào có hồ-nghi,
Ra điều bán dạ lâm-trì (1) khó coi.
Phù-sinh mấy kiếp ở đời,
Làm cho rắn cắn được voi còn cầy.
Chỉ nghề dạy khỉ leo cây,
Xui nguyên dục bỉ, chỉ hay bày trò.
Ai ngờ xã thử thành hồ (2),
Chỉ điều cậy thế làm cho hại người.
Biết rằng hươu chết tay ai (3),
Mỏ chim, nanh chuột (4) tranh hơi còn nhiều. »
Quan rằng : Bây chớ rối điều (5),
Việc quan chẳng lọ nhiều kêu mới là.
Lệ đâu đòi mấy thầy nha,
Cho đi nghiệm-thực hậu tra mới tường.

---

(1) *Bán dạ lâm-trì* 半夜臨池 : nửa đêm đến ao, nghĩa là hàm-hồ không rõ.

(2) *Xã thử thành hồ* 社鼠城狐 : chuột ở nền xã (chỗ tế trời đất) cáo ở bờ thành, không ai dám đào tổ mà bắt, vì sợ làm lở nền xã hay là lở bờ thành, nói ví ; những kẻ cậy thần-thế.

(2) *Hươu chết tay ai*, bởi câu : lộc tử thùy thủ : hươu chết về tay người nào, nghĩa là : chưa biết ai được ai thua.

(4) *Mỏ chim* bởi chữ *tước giác* 雀角 : mỏ chim sẻ. *Nanh chuột* bởi chữ *thử-nha* 鼠牙 hai bài ca ở trong Kinh Thi, nói vì tính hiếu tụng ở chốn thôn-quê như chim sẻ khoét nóc nhà, chuột hay gặm.

(5) *Rối điều* : nói nhiều lời.

Trê kia quả có tình gian,
Cứ trong luật-lệ y đơn mà làm. »

. . .

Các thầy vâng lệnh lên đường,
Theo chân thầy-tớ một đoàn thong-dong.
Kéo về đến chốn ao trong,
Cho đòi tổng-tiếp (1) điều cùng khám thăm.
Thấy đàn nòng-nọc lăm-xăm,
Vẩy-vùng mặt nước đen rầm như Trê.
Nha rằng : « Sự chẳng hồ-nghi,
Đầu đuôi hình-tượng giống Trê đó rồi. »
Khám tường biên thực chẳng sai,
Sự tình nha-lại tức hồi trình qua :
« Ngửa trông đội đức cao xa,
Vâng sai án nghiệm (2) minh tra tỏ tường.
Trê kia quả có tình oan,
Hiện có tổng-tiếp ký đơn về trình. »

Đơn rằng :

Hải-giang phủ, Đường-hào (3) huyện, Thái-cốc xã (4), Hùng văn Trê trình về phúc bẩm (5) sự. Mấy khúc đầu đuôi hiện có mấy người, thường đi thường lại, ở chốn ao sen, bắt ý đương đêm, Cóc vào xuyên-tạc (6), Trê liền phát-giác, Cóc

(1) *Tổng-tiếp :* lý-dịch ở vùng tiếp giáp.

(2) *Án-nghiệm :* nghiệm xét đủ bằng-chứng.

(3) *Đường-hào :* 塘濠 : cái hào ở bên bờ ao.

(4) *Thái-cốc* 太谷 : cái hang to.

(5) *Phúc bẩm* 覆稟 : bẩm lại.

(6) *Xuyên tạc :* nghĩa đen xuyên là khoét ra, tạc là đào ra, đục ra, nghĩa bóng là bày-đặt ra, làm cho mất hẳn sự thực,

nhảy qua rào, cậy thế hùng-hào, vậy nên nại chứng. Thay Trời trị chúng, tiếng trống nghìn quân, (1) nhờ lượng đường quan, cho về khám xét, đầu-đuôi tình-tiết, như đã biên tường, vị thử cụ đơn, trông ơn khám xét, minh tra các tiết, tỉ-đắc (2) thân oan, vạn vạn bái, kim khấu bẩm.

. . .

Quan truyền bắt Cóc ra tra :
« Sao bây đơn kiện sai-ngoa làm vầy ?
Nay đơn nha khám về đây,
Trê kia là đứa tình ngay có gì ! »
Cóc ra lạy trước sân quỳ,
Bẩm rằng : « Lại (3) dấu cho Trê lắm điều.
Chẳng qua lỗi lộ đã nhiều,
Vậy nên mới nói mè-nheo những lời. »
Bản-nha tức-giận mọi người,
Bẩm xin tội Cóc ra ngoài trại canh.
Truyền cho thẩm xét phân-minh,
Kẻ giam ở đó kẻo tình còn oan.

. . .

Cóc ngồi dài thở ngắn than,
Những là đứt ruột, căm gan cho đời.
Biết chăng có một ông trời,
Nghiến răng có thấu xin soi đến cùng.
Ai làm oan thác sự lòng,
Thì xin tiếng sấm cửu-trùng nổi lên.

---

(1) Hai câu này nói quyền-thế của quan to lắm.

(2) *Tỉ-đắc* 得 俾 tiếng việc quan : khiến được, cho được.

(3) *Lại* : nha-lại.

Cóc ngồi trằn-trọc thâu đêm,
Vợ chồng bàn-định nỗi-niềm trước sau.
« Phải tìm thấy-thợ cho mau (1),
Để cho thiếp được trước sau rõ mười (2).
Đua nhau cái trí mà thôi,
Chẳng mừng chi được, chẳng ngùi chi thua (3).
Thiếp xin đi lại toan lo,
Làm cho trả được oán thù mới thôi. »
Cóc về dạo khắp các nơi,
Qua miền Chẫu-chuộc, tới miền Ễnh-ương.
Thôi lặn suối, lại treo nương,
Giếng sâu bụi-bặm lòng càng ngẫn-ngơ.
Vô tình đương lúc mây mưa,
May sao thấy Ếch ngẫn-ngơ cõi ngoài.
Ếch đương quen thú ngồi chơi,
Nhác trông thấy Cóc sắp rời chân ra.
Rằng : « Đâu mà đến đây ta ?
Cớ sao thân-thể coi mà kém xuân.
Hay là có việc chi chăng ?
Đầu đuôi (4) ngỏ thực xin đừng giấu nhau.
Cóc rằng : « Có việc chi đâu,
Vì chồng con phải lo âu chưa đành.
Trê kia là đứa giảo-manh,
Bắt con mà lại sinh tình sai ngoa.
Làm đơn đút-lót quan-nha,
Vậy nên Cóc phải giam-tra thế này.

(1) Có bản chép : *Tở bồi ráo-riết chi nhau.*

(2) Có bản chép : *Dám xin để thiếp mau mau mượn người.*

(3) Có bản chép : *Tốt ăn thì được, xấu mồi thì thua.*

(4) Có bản chép : *bà con.*

Cố công lặn suối tới đây,
Nhờ chàng liệu giúp việc này họa xong ».
Ếch rằng : « Đồng trắng, nước trong (1),
Tôi đây tiếng cả nhà không có gì (2).
Thấy lời chị nói nằn-nì (3),
May ra giúp được việc chi cũng đành.
Nghề tay thầy kiện trứ danh,
Có chàng Nhái-bén thực anh bợm già.
Đơn-từ, mẹo-mực vào ra,
Bàn tay tráo-trở coi đà ngon không.
Muốn cho các việc được xong,
Phải tìm cho đến hỏi cùng sự-duyên.
Cóc nghe Ếch nói căn-nguyên,
Trở về dạo khắp các miền hỏi thăm.
Nước non cây cối âm-thầm,
Một mình Cóc lại xăm-xăm (4) một mình.
Hay đâu cảnh thú hữu tình,
Lùi chân bóng mát, nương mình cõi râm.
Gió mưa ngọn cỏ dầm dầm (5),
Nhác trông thấy Bén đương nằm nghỉ-ngơi.
Chào rằng : « Chị Cóc đến chơi !
Việc gì mà phải tìm-tòi đến ta (6)?
Dặm nghìn non nước thẳm xa,
Cớ sao mà khéo lân-la biết đường. »

(1) Có bản chép : *Ếch rằng : biết chị có lòng*
(2) Có bản chép : *Tôi đây tiếng cả vốn không lụy gì.*
(3) Có bản chép : *Thấy nhau có lẽ chẳng vì.*
(4) Có bản chép : *băn-khoăn.*
(5) Có bản chép : *đầm-đầm.*
(6) Có bản chép : *việc gì mà phải tìm tôi những lá.*

Cóc rằng : « Muôn đội ơn chàng,
Vì tình nên phải đa mang với tình.
Nói ra lắm sự bất bình,
Vì Trê nên phải đem mình đến anh.
Xiết bao kể nỗi ức tình,
Nhịn đi chẳng được, tức mình lắm thôi.
Cố lòng lấy thịt đè người,
Đơn-từ điên-đảo mấy hồi khổ thay.
Quan tham, lại cũng chẳng ngay,
Vậy nên bắt Cóc tội đày (1) bấy lâu.
Nghĩ tình càng thảm, càng sầu,
Biết ai là kẻ nông-sâu mà bàn.
Vậy nên bao quản đường trường,
Trước vì biết Ếch sau tường tôn-nhân.
Dù trong lẽ dại đường khôn,
Dám xin chỉ-giáo tôi con được nhờ. »
Bén rằng : « Ngán chuyện đàn-bà,
Làm gì việc ấy khéo mà nói quanh (2).
Tuy cùng một kiếp phù-sinh,
Giống nào giống ấy, tranh-giành làm chi ?
Trê kia là đứa ngu-si,
Chẳng qua tham-dại nghĩ gì nông-sâu.
Thôi đừng kiện-cáo chi nhau,
Con đương dưới nước, dễ hầu làm chi.
Để cho Trê nó bù-trì,
Đứt đuôi nó lại tìm về là hơn.
Muốn cho êm-ái đôi bên,
Thời đem trình phủ mà xin Cóc về.

(1) *Đày* : đày-đọa khổ-sở.
(2) Có bản chép : *Chẳng tin.*

Nhược bằng có dạ tranh thi,
Lại làm đơn phục (1) cho Trê khó gì ? »
Nghe lời Cóc cũng nằn-nì :
« Làm cho bỏ ghét cho Trê mới đành.
Kẻo Trê nó cũng cậy mình. »
Nghe thôi, vợ Cóc tạ trình ra đi.
Trở về cửa phủ tức thì,
Dặn chồng sau trước mọi bề đinh-ninh.
Lại về chốn cũ thăm tình,
Quả như Bén nói rành-rành chẳng sai.
Cười cười nói nói tả-tơi (2),
Sửa-sang lễ-vật tới nơi công-đường.
Cóc vào lễ trước, quỳ đơn,
Theo sao một lũ Cóc con sang trình.

Đơn rằng

Nguyên danh Cóc trình vi khất-thôi cứu (3) sự, vì Trê gian khiếu, nên Cóc thân oan, sự đã tỏ-tường, vậy nên tục khống. Trời sinh có giống, ai dám tranh càn, Trê quả lòng gian, tìm đường giam-chấp (4) ; mấy phen thăm bắt, tin-tức vắng không. Nay đã khỏi vòng, trở về đất cũ, trần tình cụ thử (5), đồng đỗ nhũng-tệ, Cóc tôi yếu vế, vậy phải chịu im, vị thử phục qui, ơn trên soi-xét. Giãi-bày các tiết, nhờ lượng cao-xa, dân được điều-hòa, khỏi điều oan-khốc.

---

(1) *Đơn phục :* đơn thưa lại.

(2) Có bản chép : *lả-lơi.*

(3) *Khất-khôi cứu* 究 催 乞 tiếng việc quan : xin xét cho ra.

(4) *Giam-chấp :* giam giữ đàn con.

(5) *Trần tình cụ thử,* tiếng việc quan : làm đơn này để trần tình.

Trình đơn trước mặt công-đình,
Phủ-quan nổi giận lôi-đình thét vang.
« Sự đâu có sự dị-thường,
Nha-môn sao dám tự đương (1) làm vầy ».
Truyền đòi nha-khám (2) ra đây,
Giao cho Bang-biện (3) việc này mới xong.
Bản-nha hiệp nghị một lòng,
Khấu đầu lại trước cửa công tạ tình.
Rằng : « Đem dấu trát tra minh,
Bắt Trê nhận thực tượng-hình mới biên.
Chẳng qua con tạo đảo điên,
Sinh-sinh hóa-hóa, hiện truyền chi đây.
Chúng tôi giữ việc lòng ngay,
Dám đâu gian-dối chuyện này cho đang. »
Quan rằng : « Việc ấy dở-dang,
Truyền Trê ra trước công-đường hỏi qua.
Roi dâu mấy chập đòn tra,
Gian-ngay thú thực thưa qua cho tường.
Dám đâu nhân mệnh làm thường (4),
Cố-nhiên kiếp đoạt đường đường (5) như chơi.
Cứ trong lý-luật mà coi,
Lưu tam thiên lý (5) tội ngươi đã đành.
Bao nhiêu đồ vật sắm-sanh,
Truyền Trê phải chịu cho thanh mọi bề.

(1) *Tự đương :* tự tiện đảm-nhận lấy trách-nhiệm.
(2) *Nha-khám :* những nha-lại đã đi khán-nghiệm lần trước.
(3) *Bang-biện :* một chức quan cũng như trợ-tá bây giờ.
(4) Có bản chép : *Chỉ quen những thói quật-cường.*
(5) *Đường-đường :* công-nhiên không sợ-hãi gì.
(6) *Lưu tam thiên lý :* đày ra ngoài ba nghìn dặm.

Cóc kia thôi chớ nằn-ni,
Được con là trọng, kêu chi thêm càng.
Trê kia thực có lòng tham,
Đã đem đày chốn xa đường thì thôi. »
Quan trên chỉ phán (1) mấy hồi,
Cóc vào trình lạy mấy lời bẩm qua :
« Ngửa trông đức (2) cả cao xa,
Non công, bể đức kể đà xiết bao.
Đoái thương đến phận nhi-tào (3)
Gọi là lễ mọn đem vào tạ ân. »
Quan rằng : « Thôi chớ ân-cần (4),
Thế thời cũng đã có phần hậu thay.
Khéo đâu lễ-vật đặt-bày,
Biết thôi, trả lại cho bây đem về. »
Tạ từ Cóc trở ra về,
Vợ-chồng mừng-rỡ đề-huề ngồn-ngang.
Bước ra khỏi chốn công-đường,
Thông Chiên dật lễ, Đề Tòm cướp tiền.
Ôm đầu vỗ vế ngả-nghiêng,
Kẻ đòi bầu rượu, người xin bao chè.
Được kiện Cóc trở ra về,
Họ-hàng náo-nức ngồi kề mừng-vui.
Chè sen, rượu cúc thảnh-thơi (5),
Cóc ngồi chịu chuyện, Bén ngồi ngâm thơ.

(1) *Chỉ phán* : truyền-bảo.
(2) *Đức* : tiếng gọi tôn những người bề trên.
(3) *Nhi-tào* : đàn trẻ.
(4) Có bản chép : *thôi biết tình dân.*
(5) Có bản chép : *tiệc mừng chè rượu vui cười.*

Vang-lừng trong hội mây-mưa,
Say-sưa mặc sức, xướng-ca thỏa lòng.
Mới hay duyên ngộ kỳ-phùng,
Anh-hùng tỏ mặt anh-hùng hẳn-hoi.

. . .

Ngẫm xem thế-sự nực cười,
Cũng là dở cái trò chơi đấy mà.
Vẽ-vời mấy tiếng ngâm-nga,
Tỏ tường sự lý để ra với đời.

= HẾT =

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

sáng-lập năm 1937

với sự hợp-tác của các học-giả và nhà-văn danh-tiếng Trung, Nam, Bắc :

Bùi Kỷ — Trần Trọng Kim — Phan Văn Hùm — Trần Thanh Mại — Thi Nham — Đào Trinh Nhất — Lê Ngọc Trụ — Trúc Khê — Hà Như Chi — Phạm Trọng Nhân — Tôn Thất Lương — Nhượng Tống — Phạm Văn Diêu — Bửu Kế — Bùi Giáng — Phạm Hoàn Mĩ — Nguyễn Hóa — Bình Nguyên Lộc v. v...

đã xuất-bản trên 350 thứ sách chia ra làm nhiều loại

Hiện còn những thứ mới

I. — SÁCH GIÁO-KHOA — BẬC TRUNG-HỌC

A. — LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN-DỊCH

1. — *Việt-nam sử lược* của cụ Trần trọng Kim (in lần thứ sáu) sửa-chữa và thêm rất nhiều phụ bản quí giá.
(Nam Việt 185đ. — ngoài Nam Việt 200 đ.)

2. — *Việt-nam văn-phạm* của ba ông :
Phạm duy Khiêm — Bùi Kỷ và Trần trọng Kim.
(Giá N. V. 55đ. — Các nơi 58đ.)

3. — *Quốc-văn cụ-thể* của Ưu Thiên Bùi Kỷ
(Giá 42đ. — Ngoài Nam Việt 45đ.)

4. — *Việt Thi* của Trần trọng Kim
(Giá 42đ. — Ngoài Nam Việt 45đ.)

5. — *Đường Thi* của Trần trọng Kim
(Đang in lần thứ hai)

6. — *Việt-nam Thi-văn giảng-luận*
của Hà như Chi — giáo-sư trường Quốc-học — Huế.

TẬP I

Từ khởi-thỉ đến cuối thế-kỷ 18. Gồm có những luận-đề về : Truyện cổ-tích — Ca-dao và Tục-ngữ — Truyện Trinh Thử — Truyện Trê Cóc — Nguyễn Trải — Vua Lê Thánh-tông — Nguyễn bỉnh Khiêm — Nguyễn Hãng — Lê quí

Đôn — Đoàn thị Điểm — Ôn như Hầu — Nguyễn huy Tự — Lê thị Ngọc Hân — Phạm Thái

(Dùng trong các lớp Đệ-ngũ và Đệ-tam bậc Trung-học)

(In lần thứ ba—Giá N. V. 85 đ. Các nơi 90 đ.)

TẬP II

Thế-kỷ thứ 19. Gồm có những luận-đề về : Nguyễn Du — Hồ xuân Hương — Bà huyện Thanh-quan — Nguyễn công Trứ — Cao bá Quát — Cao bá Nhạ — Phan huy Vịnh — Nguyễn đình Chiểu — Tôn thọ Tường — Chu mạnh Trinh — Nguyễn Khuyến và Trần tế Xương.

(Dùng trong các lớp Đệ-tứ và Đệ-nhị bậc Trung-học)

(In lần thứ ba N. V. 130 đ. Các nơi 140 đ.)

7. — *Việt-nam văn-học giảng-bình* của Phạm văn Diêu — giáo-sư trường Quốc-học—Huế. Một khoa bản đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học-sinh Đệ-tứ và Đệ-nhị bậc Trung-học,

(Giá 50 đ. — Ngoài Nam Việt 55 đ.)

8. — *Hóa-học* (lớp Đệ-tứ Trung-học) của Phạm văn Hường và Phạm văn Thoại (giáo-sư trường Quốc-học — Huế),

(Giá N. V. 50 đ. — Các nơi 53 đ.)

9. — *Lịch-sử Việt-nam (lớp Đệ-thất)* của Phạm hoàn Mĩ và một nhóm bạn giáo-sư biên-soạn.

(Giá N. V. 35 đ. — Các nơi 37 đ.)

Sắp có bán :

1. — *Lịch-sử Việt-nam* (Lớp Đệ-lục)
2. — *Văn-học Việt-nam* của Phạm văn Diêu
3. — *Thi-văn hiện-đại* của Hà như Chi
4. — *Địa-lý Việt-nam* của ba giáo-sư Vương gia Bình — An Khê — Trần hiếu Thuận

B. — LOẠI CỔ VĂN CHÚ-THÍCH

1. — *Truyện Thúy Kiều* của Nguyễn Du do Bùi Kỷ và Trần trọng Kim hiệu-khảo

(Giá N. V. 55 đ. — Các nơi 58 đ.)

2. — *Truyện Hoa Tiên* của Nguyễn huy Tự do cụ Tôn thất Lương chú-thích

(Đang in lần thứ hai)

3. — *Chinh-phụ ngâm khúc* của Đoàn thị Điểm do cụ Tôn thất Lương chú-thích

(Giá N. V. 42 đ. — Các nơi 44 đ.)

4. — *Cung-oán ngâm khúc* do cụ Tôn thất Lương chú-thích (lần thứ tư)
(Giá Nam Việt 16 đ. — Các nơi 17 đ.)

5. — *Lục Vân Tiên* của Nguyễn đình Chiểu — sửa đúng theo bản P. J B. Trương vĩnh Ký phát-hành năm 1889 có thêm phần chú-thích
(Giá N. V. 42 đ. — Các nơi 45 đ.)

6. — *Truyện Trê Cóc* do cụ Bùi Kỷ hiệu-đính
(Giá N. V. 12 đ. — Các nơi 13 đ.)

7. — *Truyện Trinh Thử*
(Giá N. V. 12 đ. — Các nơi 13 đ.)

8. — *Lục-súc tranh công* do cụ Bùi Kỷ hiệu-đính
(Giá N. V. 8 đ. — Các nơi 9 đ.)

9. — *Truyện Phan Trần* do Thi Nham chú-thích
(Giá N. V. 16 đ. — Các nơi 17 đ.)

10. — *Nguyễn Cư Trinh* với quyển *Sãi Vãi* do hai ông Lê ngọc Trụ và Phan văn Luật chú-thích và dẫn-giải
(Đang in lần thứ hai)

11. — *Hoa điểu tranh năng* do cụ Bùi Kỷ hiệu-đính
(Giá N. V. 7 đ. — Các nơi 8 đ.)

12. — *Hạnh Thục Ca* của Nguyễn nhược Thị do cụ Trần trọng Kim phiên-dịch và chú-thích
(Giá 12 đ. — Ngoài Nam Việt 13 đ.)

13. — *Ngư Tiều vấn-đáp Y-thuật* của cụ ĐỖ CHIỂU (tác giả Lục Vân Tiên) do Phan Văn Hùm hiệu-đính và chú-thích. — Nhượng Tống tăng bình bổ chú.
(Đang in lần thứ hai)

14. — *Nhị Độ Mai* do Thi Nham đính-chính và chú-thích.
(Giá N. V. 42 đ. — Các nơi 45 đ.)

15. — *Bích-câu kỳ ngộ* do Thi Nham đính-chính và chú-thích
(Giá N. V. 16 đ. — Các nơi 17 đ.)

16. — *Nữ Tú Tài* và *Bần-nữ thán* do Thi Nham chú-thích
(Giá 16 đ. — Ngoài Nam Việt 17 đ.)

17. — *Gia-huấn ca* do Thi Nham chú-thích
(Giá 12 đ. — Ngoài Nam Việt 14 đ.)

18. — *Nhị-thập tứ hiếu* do Cao huy Giu chú-thích
(Giá 12 đ. — Ngoài Nam Việt 14 đ.)

19. — *Quan-âm Thị Kính* do Thi Nham chú-thích
(Giá N. V. 12 đ. — Các nơi 13 đ.)

CÁC NGÀI HIỆU-TRƯỞNG CÁC TRƯỜNG
CÁC NGÀI PHỤ-HUYNH HỌC-SINH

nên khuyến-khích các con em đọc các thứ sách trong
TỦ SÁCH « NHỮNG MẢNH GƯƠNG — TÂN VIỆT »

ĐÃ CÓ BÁN

1. — Nguyễn Thái Học	**giá 40đ**
2. — Phan Chu Trinh	**giá 42đ**
3. — Phan Văn Trị	**giá 20đ**
4. — Huỳnh Mẫn Đạt	**giá 18đ**
5. — Phan Bội Châu	**giá 52đ**
6. — Nguyễn Đình Chiểu	**giá 48đ**
7. — Phan Đình Phùng	**giá 67đ**
8. — Lương Ngọc Quyến	**giá 25đ**
9. — Trên giòng sông Vị . . . . (Trần Tế Xương)	**giá 25đ**
10. — Hàn Mạc Tử	**giá 50đ**
11. — Tôn Thọ Tường	**giá 28đ**
12. — Phan Thanh Giản	**giá 25đ**
13. — Võ Trường Toản	**giá 20đ**
14. — Nguyễn Khuyến	**(đang in)**
15. — Nguyễn Trường Tộ	

Nhà xuất-bản TÂN VIỆT
235, Phan Thanh Giản — Saigon

TRUYỆN TRẺ CÓC do cụ Ưu-thiên BÙI KỶ hiệu-đính và do TÂN VIỆT xuất-bản—in xong ngày 18 tháng 11 năm 1955 tại nhà in riêng của nhà xuất-bản TÂN VIỆT giấy phép số 126/T.X.B.của nha Thông Tin Nam Phần Việt Nam

3 Bộ sách giá-trị của nhà xuất-bản TÂN VIỆT

1. — VIỆT-NAM THI-VĂN GIẢNG-LUẬN
của HÀ NHƯ CHI
Quyển I : *giá* **85$00**
Quyển II : *giá* **130$00**

2. — NHO-GIÁO
của cụ TRẦN TRỌNG KIM
Quyển thượng : *giá* **80$00**
Quyển hạ : *giá* **150$00**

3. — VIỆT-NAM SỬ LƯỢC
của cụ TRẦN TRỌNG KIM
In lần thứ sáu
Giá **185$00**

CHÚ Ý. — **Loại « NHỮNG MẢNH GƯƠNG »**
Đã có
1. Nguyễn Thái Học — 2. Phan Chu Trinh — 3. Phan Văn Trị — 4. Huỳnh Mẫn Đạt — 5. Phan Bội Châu — 6. Nguyễn Đình Chiểu — 7. Phan Đình Phùng — 8. Lương Ngọc Quyến — 9. Trông giòng sông Vị (Trần Tế Xương) — 10. Hàn Mạc Tử — 11. Tôn Thọ Tường — 12. Phan Thanh Giản — 13. Võ Trường Toản — 14. Nguyễn Khuyến

Nhà xuất-bản TÂN VIỆT
235, PHAN THANH GIẢN — SAIGON

Giấy phép xuất-bản
Số 126/T.X.B.
của nha Thông-Tin
Nam Việt

TRUYỆN TRÊ CÓC
In lần thứ ba
Giá { Nam Việt..... **12$00**
Các nơi ..... **13$00**

B223